

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ – ST

Ngày: 10/6/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Diễm Anh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Ngâm và ông Huỳnh Khắc Hiếu.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Ông Lương Công Trứ – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 58/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trương Thị Kim C, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Đội 4, thôn ĐP, xã HA, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Nguyễn Trọng H, sinh năm 1977; Nơi cư trú: 58/23 NCT, phường 6, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trương Thị Kim C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Trương Thị Kim C và anh Nguyễn Trọng H tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 6, thành phố T theo Giấy CNKH số 95 ngày 19/6/2003. Tuy nhiên cuộc sống hôn nhân chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Trong cuộc sống thường xuyên xảy ra xung đột, kinh cãi khiến mâu thuẫn ngày càng nặng nề không thể khắc phục được. Đến cuối năm 2005 thì vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa, chị C và con về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ đó đến nay, hai bên không

còn liên lạc, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Tấn Đ – sinh ngày 15/10/2004, hiện đang sống với mẹ. Chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có.

- Bị đơn Nguyễn Trọng H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.
- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

+Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại 58/23 NCT, phường 6, thành phố T, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Trương Thị Kim C và anh Nguyễn Trọng H tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 6, thành phố T nên là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn như đương sự đã trình bày. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng bị đơn không tới tham gia các phiên hòa giải là không có thiện chí hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn. Vì vậy HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 15/10/2004. Xét thời gian qua con chung do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; cháu Đ có nguyện vọng được ở với mẹ nên yêu cầu được trực tiếp nuôi con của nguyên đơn là phù hợp; HĐXX chấp nhận giao con chung cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không pH cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[3] **Về án phí:** Nguyên đơn pH chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Trương Thị Kim C được ly hôn với anh Nguyễn Trọng H.

- Về con chung: giao 01 con chung là cháu Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 15/10/2004 cho chị Trương Thị Kim C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; anh Nguyễn Trọng H không pH cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: không xét.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn Trương Thị Kim C pH chịu 300.000đ (ba

trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007057 ngày 02 tháng 3 năm 2021 của C cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP T;
- C cục THADS TP T;
- UBND phường 6, Tp T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Diễm Anh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Ngâm Huỳnh Khắc Hiếu

Lê Diễm Anh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Minh Tuyết Lê Thị Thanh Thuần

Lê Diễm Anh Trúc

Nơi nhận:

- TA tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP T;
- C cục THADS TP T;
- UBND phường 6, Tp T;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Diễm Anh Trúc

